

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47 /2022/HS-ST

Ngày 26 - 10 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc L

2. Bà Nguyễn Thị N

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt D - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phan Tường L - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2022/TLST - HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐ - HS ngày 28/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Sinh ngày: 19/10/2004 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: khu H, pH T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: không; Con ông: Nguyễn Sinh C (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1982; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Quyết định số 113 ngày 28/6/2019 của Công an thành phố V xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Hải L về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức: cảnh cáo; Tại Quyết định số 194 ngày 03/12/2019 của Công an thị xã Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Hải L về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức: cảnh cáo; Tại Bản án HSST số 37 ngày 23/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Nguyễn Hải L 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (chưa chấp hành). Đã nộp APHSST ngày 23/3/2022. Thời điểm L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 07/5/2022 thì bản án HSST này đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, khi bị kết án L là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án

tích; Tại Bản án HSST số 18 ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xử phạt Nguyễn Hải L 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 37 ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V. Buộc L phải chấp hành hình phạt C của cả 2 bản án là 21 tháng tù được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/01/2022 đến ngày 04/3/2022 (01 tháng 29 ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp án. Chưa nộp APhSST. L chấp hành án phạt tù từ ngày 09/7/2022. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/5/2022 đến ngày 19/5/2022 chuyển tạm giam đến ngày 08/7/2022. Sau chuyển chấp hành án của bản án số 18 ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh từ ngày 9/7/2022. Hiện chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại tạm giam Quyết Tiến - Cục C10 - Bộ công an. Thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 06 tháng 18 ngày; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Thanh N - Trợ giúp viên pháp lý T tâm trợ giúp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2/ **Nguyễn San C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Sinh ngày: 12/3/2004 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: khu L, pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: không; Con ông: Không xác định; Con bà: Nguyễn Thị, sinh năm: 1981; Anh chị em ruột: bị cáo là con một; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án HSST số 37 ngày 23/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Nguyễn San C 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đã nộp APhSST ngày 23/3/2022. Tại thời điểm bị kết án, Nguyễn San C là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích tuy nhiên hành vi trộm cắp tài sản của C ngày 07/5/2022 là phạm tội trong thời gian thử thách án treo; Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

3/ **Đào Quang T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Sinh ngày: 19/3/2004 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: khu L, pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: không; Con ông: Đào T Kiên, sinh năm: 1978; Con bà: Vũ Thị Thu Hương, sinh năm: 1979; Anh chị em ruột: bị cáo là con một; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/5/2022 đến ngày 19/5/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

4/ **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Sinh ngày: 06/7/1992 tại huyện L, tỉnh B; Nơi ĐKHKTT: xã X, huyện L, tỉnh B. Nơi ở: Tổ 11, pH H, thành phố T, tỉnh T. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đoàn thể: không; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970; Con bà: Ngô Thị H, sinh năm: 1970; Anh chị em ruột: có

02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nông Trương Lệ T, sinh năm: 1987. Con: có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/5/2022 đến ngày 29/5/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại pH H, thành phố T, tỉnh T. (Có mặt)

Bị hại:

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu 7, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Trần Quang T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 670, phố Mới, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

3. Chị Phan Thu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu T, pH T, thị x, tỉnh Phú Thọ. (Chị H, anh T, chị T đều vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu L, pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Khuôn Muối II, thị trấn Yên Lạc, huyện Nà Rì, tỉnh Bắc Cạn.

3. Anh Hà Mạnh L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm Hưng Hà, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh T.

4. Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 2001

Địa chỉ: Đội 6, khu H, pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Chị L, chị T, anh L, anh N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 07/5/2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo Nguyễn Hải L rủ bị cáo Đào Quang T thuê taxi đến địa bàn thị xã Phú Thọ để trộm cắp tài sản. Bị cáo L và bị cáo T thống nhất, khi thấy tài sản sơ hở, L sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản còn T đứng ngoài cảnh giới và hỗ trợ L tẩu thoát nếu bị phát hiện. Khi đến nhà chị Phan Thu T, ở khu T, pH T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; bị cáo L quan sát thấy cổng và cửa nhà chị T khép hờ, trong sân có dựng 01 chiếc xe Honda Vision, màu xanh, BKS 19M1-183.07, bên trong phòng khách bật đèn sáng, không có người trông coi. Bị cáo L mở cổng đi vào trong nhà lấy được 01 chiếc chìa khóa xe máy, loại khóa từ ở trên kệ tivi, rồi quay ra sân, dắt lùi chiếc xe BKS 19M1-183.07 ra ngoài đường, dùng tay vặn khoá khởi động và phóng xe đến chỗ T đứng cảnh giới. Trên đường về thành phố V, bị cáo L và bị cáo T dừng lại tháo biển số xe cất vào trong cốp thì thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc chìa khoá xe máy, loại khoá từ, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phan Thu T, 01 chiếc máy bắt vít và 01 chiếc kim có

tay cầm màu đỏ. Bị cáo L lấy chiếc chìa khóa từ trong cốp xe để sử dụng; còn chiếc chìa khóa lấy trên kệ ti vi bị hỏng, bị cáo L vớt ở lề đường cùng 02 gương chiếu H của xe. Khi về đến pH M, thành phố V, bị cáo T để xe máy trộm cắp được ở quán bi-a “M Club” rồi cùng bị cáo L đến quán internet của anh Nguyễn Mạnh Cường, ở khu Tân Phương, pH M, thành Phố V, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, bị cáo L dùng máy tính đăng nhập vào tài khoản facebook “Nguyễn Hải L” nhắn tin giao bán chiếc xe vừa trộm cắp được cho Nguyễn Văn H qua tài khoản facebook “Nguyễn H”. Qua trao đổi, xem hình ảnh xe mô tô không gắn biển số và giấy đăng ký xe do bị cáo L gửi, bị cáo H biết chiếc xe do bị cáo L trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ bị cáo H vẫn đồng ý mua với giá 10.000.000 đồng, hẹn giao dịch ở khu vực Vincom T thuộc thành phố T, tỉnh T. Để có tiền mua xe, bị cáo H vay của chị Hoàng Thị T, tH trú tại thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn 10.000.000 đồng nhưng bị cáo H không nói cho chị T biết mục đích vay tiền để mua xe trộm cắp. Khi lên thành phố T, bị cáo T điều khiển xe Honda wave BKS 19B1-612.97, mượn của anh Nguyễn Hải N, ở khu H, pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; còn bị cáo L điều khiển xe BKS 19M1-183.07 trộm cắp của chị T. Khi mượn xe, bị cáo T nói cho anh N là đi có việc nên anh N đồng ý. Tại điểm hẹn, bị cáo L giao xe BKS 19M1-183.07, đăng ký xe, các loại giấy tờ tùy thân mang tên Phan Thu T, chiếc máy bắn vít và chiếc kìm cho bị cáo H còn bị cáo H trả cho bị cáo L 10.000.000 đồng. Có được tiền bán xe, bị cáo L chia cho bị cáo T 4.500.000 đồng và giữ lại 5.500.000 đồng, cả hai chi tiêu cá nhân hết. Còn bị cáo H, sau khi mua được xe BKS 19M1-183.07, đã bán lại cho anh Hà Mạnh L, trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh T được 15.000.000 đồng. Khi giao xe cho anh L, bị cáo H giao kèm chìa khóa từ và giấy đăng ký xe; còn giấy tờ tùy thân của chị T, chiếc máy bắn vít và chiếc kìm bị cáo H để tại nhà trọ của mình ở tổ 11, pH H, thành phố T, tỉnh T, bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ thu giữ cùng 01 chiếc điện thoại OPPO Reno5 lắp sim số 0392036888 và 0393000535 trong quá trình khám xét khẩn cấp. Số tiền vay chị T để mua xe, bị cáo H đã trả lại cho chị T. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T đã có đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đề nghị điều tra, làm rõ đối tượng trộm cắp và xử lý theo quy định pháp luật.

Phục vụ công tác điều tra, ngày 11/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thị xã Phú Thọ định giá chiếc xe HONDA VISION, BKS 19M1- 183.07, 01 chiếc máy bắn vít và 01 chiếc kìm. Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 13/5/2022, Hội đồng định giá tài sản kết luận chiếc máy bắn vít và chiếc kìm bị hỏng, không còn giá trị sử dụng, không có cơ sở định giá còn chiếc xe trên có giá trị là 17.900.000 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ, Nguyễn Hải L, Đào Quang T và Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã tổ chức truy tìm 01 chiếc chìa khóa xe, loại khóa từ và 02 chiếc gương chiếu H xe BKS 19M1- 183.07 nhưng không thu giữ được. Quá trình giải quyết

vụ án, anh Hà Mạnh L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe BKS 19M1- 183.07, 01 chiếc chìa khóa từ và đăng ký xe; Đào Quang T tự nguyện giao nộp 4.500.000 đồng là tiền có được từ việc bán xe trộm cắp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ.

Căn cứ các tài liệu thu thập được, ngày 18/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Hải L và Đào Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngày 28/5/2022, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Ngoài hành vi phạm tội trên, bị cáo Nguyễn Hải L còn khai nhận cùng bị cáo Nguyễn San C thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác tại địa bàn huyện T, tỉnh Phú Thọ và địa bàn huyện B, thành phố Hà Nội. Sau khi trộm cắp được tài sản đều mang bán cho bị cáo H. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã tổ chức rà soát, xác minh và thu hồi được tài sản bị trộm cắp gồm: 01 xe BKS 19N1-138.91 kèm 01 giấy đăng ký xe, 01 xe BKS 29V1-731.80 kèm đăng ký xe. Phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an huyện T, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội làm rõ 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 17 giờ ngày 21/6/2021, bị cáo Nguyễn Hải L rủ bị cáo Nguyễn San C đến địa bàn huyện T trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo L và bị cáo C thỏa thuận khi tìm được tài sản của người dân sơ hở, bị cáo L là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản còn bị cáo C sẽ đứng canh giới, hỗ trợ bị cáo L tẩu thoát nếu bị phát hiện. Để có phương tiện đi trộm cắp tài sản, bị cáo C mượn bà Nguyễn Thị L, trú tại pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ chiếc xe Honda Wave, màu xanh, BKS 19P1- 298.70 (không gắn biển số) rồi chở bị cáo bị cáo L đi từ thành phố V đến địa phận huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đến nhà chị Trần Thị Thu H, ở khu 7, xã Hương Nộn, huyện T, tỉnh Phú Thọ; bị cáo L quan sát thấy cửa cổng không khóa, trong nhà không có người trông coi, ở sân dựng một chiếc xe HONDA SH, màu xanh đen, BKS 19N1-138.91, chìa khóa điện cắm sẵn ở ổ khóa. Bị cáo L ra hiệu cho bị cáo C dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới còn bị cáo L một mình đi đến chỗ chiếc xe, mở cốp xe kiểm tra thấy có 01 chiếc ví nữ bên trong có 1.700.000 đồng, đăng ký xe, bảo hiểm xe, thẻ căn cước công dân đều mang tên Trần Thị Thu H. Bị cáo L lấy tiền và giấy tờ còn chiếc ví L vút lại ở cổng. Sau đó, bị cáo L dắt chiếc xe máy ra đường, khởi động, điều khiển xe phóng về hướng Cầu T Hà. Thấy bị cáo L trộm cắp được xe máy nên bị cáo C cũng điều khiển xe mô tô đi theo bị cáo L. Trên đường về thành phố V, bị cáo L vút bỏ thẻ căn cước công dân của chị H, tháo biển số và gương chiếu H cho vào trong cốp. Sau đó, L dùng tài khoản facebook “Nguyễn Hải L” đăng tin giao bán xe kèm theo hình ảnh xe. Lúc này, Nguyễn Văn H sử dụng tài khoản facebook “Nguyễn H” thấy bài viết đăng bán xe của L nên nhắn tin qua facebook hỏi mua. Qua trao đổi, L nói chiếc xe là do khách cảm đồ hết hạn nhưng không đến chuộc, L bán rẻ để thu hồi vốn, xe có giấy tờ đầy

đủ nên H đồng ý mua xe với giá 22.000.000 đồng để sử dụng, hẹn giao dịch tại khu vực gần siêu thị AEON thuộc quận L Biên, thành phố Hà Nội. Tại điểm hẹn, L giao cho H 01 xe BKS 19N1-138.91 đã được lắp biển số và gương chiếu H cùng 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy bảo hiểm của xe đều mang tên Trần Thị Thu H. Tiền bán xe, L chia cho C 5.000.000 đồng, giữ lại 17.000.000 đồng và 1.700.000 đồng của chị H, cả hai chi tiêu cá nhân hết. Quá trình sử dụng xe, do giấy bảo hiểm xe hết hạn nên H đã vứt bỏ. Khoảng tháng 7/2021, H bán lại chiếc xe này cho chị Hoàng Thị T được 30.000.000 đồng, chị T sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị H không có đơn trình báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện T không biết trên địa bàn xảy ra vụ trộm cắp tài sản trên. Căn cứ lời khai nhận của Nguyễn Hải L, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã thu giữ được chiếc xe BKS BKS 19N1-138.91 của chị T đồng thời thông báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T thụ lý nguồn tin, rà soát bị hại và tiến hành điều tra, xử lý theo quy định.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã truy tìm chiếc ví giả da màu đỏ nhưng không thu giữ được. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tạm giữ chiếc xe BKS 19P1- 298.70, không gắn biển, Nguyễn San C sử dụng chở Nguyễn Hải L đi trộm cắp tài sản.

Ngày 09/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá chiếc xe HONDA SH, BKS 19N1-138.91 và 01 chiếc ví giả da màu đỏ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/HĐĐG- BBĐGTS ngày 10/6/2022, Hội đồng định giá tài sản kết luận chiếc xe trên có giá trị là 41.600.000 đồng và chiếc ví giả da có giá trị là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 42.600.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ngày 04/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Hải L và Nguyễn San C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đến ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng của vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ để nhập vụ án và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ 2: Khoảng 16 giờ ngày 01/7/2021, như lần trước, bị cáo Nguyễn San C điều khiển xe máy mượn của bà Nguyễn Thị L chở bị cáo Nguyễn Hải L đi đến địa bàn huyện B, thành phố Hà Nội tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp. Khi đến nhà ông Trần Quang T, thôn V, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; bị cáo L quan sát thấy có nhiều xe máy dựng ở sân và không có người trông coi nên ra hiệu cho C dừng xe lại. L đi bộ vào sân nhà ông Tình thấy chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 29V1-731.80 của anh Trần Quang T, là con trai ông Tình, có ổ khóa là khóa từ, có khóa cổ nhưng không khóa càng. Bị cáo L đi vào trong nhà ông Tình lấy trên mặt bàn uống nước chiếc chìa khóa xe máy, loại khóa từ rồi cầm ra sân, bấm mở khóa thì thấy chiếc xe BKS 29V1-731.80 nhận tín hiệu, mở được khóa. L dắt chiếc xe ra đường, khởi động và điều khiển xe ra đường quốc lộ 32. C đứng canh giới ở

ngoài thấy L trộm cắp được chiếc xe phóng qua nên cũng điều khiển xe mô tô đi theo sau. Trên đường về thành phố V, L dừng lại tháo biển số xe và kiểm tra thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Quang T. Khi về đến nhà nghỉ Khánh Hưng ở phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, L, C thuê 01 phòng để nghỉ. Tại đây, L sử dụng điện thoại di động của C để đăng nhập tài khoản facebook “Nguyễn Hải L” nhắn tin cho H qua tài khoản facebook “Nguyễn H” để giao bán chiếc xe trộm cắp được. Vì tin tưởng L làm hiệu cầm đồ có xe muốn bán nên H không hỏi L nguồn gốc của chiếc xe mà thống nhất giá chiếc xe là 26.000.000 đồng, hẹn sáng ngày hôm sau giao xe ở vị trí như lần trước. Lần này, L, C rủ thêm Hoàng Văn Trường, sinh năm 2004 ở phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đi cùng nhưng cả L và C đều không nói cho Trường biết việc đi bán xe trộm cắp được. Đến khoảng 8 giờ sáng ngày 02/7/2021, tại điểm hẹn, H xem xe cùng giấy tờ xe rồi trả cho L 26.000.000 đồng còn L giao xe và đăng ký xe cho H. Sau khi bán được xe, L chia cho C 12.000.000 đồng, cho Trường 1.500.000 đồng và giữ lại 12.500.000 đồng, cả ba đều đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được chiếc xe này, H cùng vợ là Nông Trương Lê Thơm, sinh năm: 1987 sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Chị Thơm đã tự nguyện giao nộp chiếc xe BKS 29V1-731.80, chìa khóa xe cùng đăng ký xe cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Trần Quang T đã có đơn trình báo sự việc; ngày 19/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự; đến ngày 19/10/2021 đã Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Căn cứ các tài liệu, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ cung cấp, Ngày 21/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Hải L và Nguyễn San C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ để nhập vụ án theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 93/2021/KL- ĐGTS ngày 13/7/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện B, thành phố Hà Nội kết luận: chiếc xe HONDA SH, BKS 29V1-731.80 có giá trị là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, kết quả điều tra xác định, 02 lần mua xe mô tô BKS 19N1-138.91 và 29V1-731.80 của L, H không biết xe do L trộm cắp mà có, mục đích mua xe để sử dụng chứ không phải bán kiếm lời. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không xem xét xử lý H về 02 lần mua xe trộm cắp này.

Đối với anh Hà Mạnh L là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07 của Nguyễn Văn H nhưng không biết chiếc xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý.

Đối với chị Hoàng Thị T là người cho Nguyễn Văn H vay tiền để mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07 và cũng là người mua chiếc xe BKS 19N1-138.91 của H; nhưng chị T không biết H vay tiền để mua xe vì phạm và không biết chiếc xe

BKS 19N1-138.91 là tài sản trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Hải N cho Đào Quang T mượn xe mô tô BKS 19B1-612.97 và bà Nguyễn Thị L cho Nguyễn San C mượn xe mô tô BKS 19P1- 298.70 để sử dụng nhưng không biết mục đích Đào Quang T, Nguyễn San C mượn xe để đi trộm cắp tài sản và không được hưởng lợi từ việc cho mượn xe. Do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Văn Trường là người đi cùng với bị cáo L và bị cáo C bán tài sản trộm cắp, đồng thời được bị cáo L cho số tiền là 1.500.000 đồng nhưng Trường không biết tài sản bị cáo L mang bán là do trộm cắp mà có, do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý.

Về vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ gồm: đối với số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo Đào Quang T tự nguyện giao nộp và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19P1- 298.70, không gắn biển số tạm giữ của bị cáo Nguyễn San C đã được chuyển đến Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe đều mang tên Phan Thu Thủy; 01 máy bắt vít, 01 chiếc kìm có tay cầm màu đỏ, ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả cho chị T là chủ sở hữu hợp pháp. Chị T không yêu cầu bị cáo L, bị cáo T phải hoàn trả 02 gương chiếu H và chiếc chìa khóa từ bị hỏng.

Đối với chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 19N1-138.91 và 01 giấy đăng ký mang tên Trần Thị Thu H, ngày 02/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp. Chị H không yêu cầu L, C phải hoàn trả chiếc thẻ căn cước, chiếc ví giả da màu đỏ và 1.700.000 đồng.

Đối với chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 29V1-731.80, 01 chìa khóa từ và 01 đăng ký xe, ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội đã trả lại cho anh Trần Quang T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, lắp sim số: 0392.036.888 và 0393.000.535 là của chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết cho H mượn không liên quan đến hành vi phạm tội của H, ngày 06/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Tuyết.

Về trách nhiệm dân sự: chị Phan Thu T đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 19M1-183.07 cùng toàn bộ đồ vật, tài liệu bị trộm cắp, không có yêu cầu đề nghị bồi th gi khác. Chị Trần Thị Thu H đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 19N1-138.91 cùng giấy

đăng ký xe, chị H không có yêu cầu đề nghị bồi tH gì khác. Anh Trần Quang T đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 29V1-731.80, anh T không có yêu cầu đề nghị bồi tH gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Văn H tự nguyện trả lại cho anh L 15.000.000 đồng là tiền mua xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07, Anh L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Bị cáo H cũng tự nguyện trả lại 30.000.000 đồng là tiền bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19N1-138.91 cho chị Hoàng Thị T. Chị T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bị cáo Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Nguyễn San C phải bồi tH số tiền 48.000.000 đồng gồm 22.000.000 đồng tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19N1-138.91, 26.000.000 đồng tiền mua xe mô tô BKS 29V1- 731.80; không yêu cầu Nguyễn Hải L và Đào Quang T phải bồi tH 10.000.000 đồng là tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

** Bị cáo Nguyễn Hải L khai nhận:*

Ngày 21/6/2021, tại xã Hương Nộn, huyện T, tỉnh Phú Thọ, bị cáo cùng Nguyễn San C trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Thu H tổng giá trị là 44.300.000 đồng gồm: 01 chiếc xe HONDA SH, BKS: 19N1-138.91 giá trị 41.600.000 đồng, 01 chiếc ví giả da màu đỏ giá trị 100.000 và số tiền 1.700.000 đồng.; bán cho Nguyễn Văn H được 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) chia cho C 5.000.000đ, giữ lại 17.000.000đồng và số tiền 1.700.000 đồng của chị H, số tiền này đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 01/7/2021, tại xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, bị cáo và Nguyễn San C tiếp tục trộm cắp tài sản của anh Trần Quang T 01 xe HONDA SH, BKS 29V1-731.80 giá trị 90.000.000 đồng. Khi bán xe cho Nguyễn Văn H được 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) bị cáo cùng bị cáo C có rủ thêm anh Hoàng Văn Trường, sinh năm 2004 cùng đi nhưng cả hai không nói cho anh Trường biết việc đi bán xe trộm cắp được. Sau khi bán xong chia cho C 12.000.000đ, cho Trường 1.500.000đồng, giữ lại 12.500.000đồng lấy tiền chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/5/2022, bị cáo cùng Đào Quang T trộm cắp tài sản của chị Phan Thu T 01 chiếc xe mô tô VISION, màu xanh, BKS 19M1-183.07, trị giá 17.900.000 đồng rồi mang bán cho Nguyễn văn H được 10.000.000 đồng. Khi mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07, Nguyễn Văn H biết rõ là tài sản bị cáo và T phạm tội mà có. Sau khi bán xong chia cho T 4.500.000đ, bị cáo giữ lại 5.500.000đồng lấy tiền chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn San C khai nhận: Bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo L. Đối với tài sản trộm cắp của chị Trần Thị Thu H, sau khi bán tài sản bị cáo được bị cáo L đưa cho số tiền 5.000.000đ; Đối với 01 xe HONDA SH, BKS 29V1-731.80 trộm cắp của anh Trần Quang T đã bán được 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng), khi đi bán xe, bị cáo cùng bị cáo L có rủ thêm anh Hoàng Văn Trường, sinh năm 2004

cùng đi nhưng cả hai không nói cho anh Trường biết việc đi bán xe trộm cắp được. Sau khi bán xong bị cáo L chia cho bị cáo 12.000.000 đồng, cho Trường 1.500.000đồng, còn lại 12.500.000 đồng của bị cáo L. Số tiền nhận sau khi bán xe đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Đào Quang T khai nhận: Đối với tài sản trộm cắp của chị Phan Thu T 01 chiếc xe mô tô VISION, màu xanh, BKS 19M1-183.07 mang bán cho Nguyễn Văn H được 10.000.000 đồng. Khi mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07, Nguyễn Văn H biết rõ là tài sản bị cáo L và bị cáo phạm tội mà có. Sau khi bán xong bị cáo được bị cáo L chia cho 4.500.000đ, còn lại 5.500.000 đồng của bị cáo L. Số tiền nhận sau khi bán xe đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận: Bị cáo có mua tài sản của các bị cáo Nguyễn Hải L, Nguyễn San C, Đào Quang T 03 lần: Lần 01 mua 01 chiếc xe HONDA SH, BKS: 19N1-138.91 với giá 22.000.000 đồng. Sau đó vào khoảng tháng 7/2021 bị cáo bán lại cho chị T được 30.000.000 đồng; Lần 02 vào ngày 02/7/2021 mua 01 xe HONDA SH, BKS 29V1-731.80 với giá 26.000.000 đồng. Bị cáo và vợ là Nông Trương Lệ Thơ sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Quá trình điều tra vợ bị cáo có tự nguyện giao nộp chiếc xe này, chìa khóa xe cùng đăng ký xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ; Lần thứ ba là mua 01 chiếc xe mô tô VISION, màu xanh, BKS 19M1-183.07 với giá 10.000.000đồng. Sau khi mua được xe bị cáo cho anh Hà Mạnh L;Trú tại: xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh T với giá 15.000.000đồng. Đối với các tài sản đã mua lần đầu, lần thứ hai bị cáo không biết là tài sản do trộm cắp mà có, chỉ đến lần thứ ba, bị cáo mới biết tài sản là do trộm cắp mà có. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo tự nguyện trả lại cho anh L 15.000.000 đồng là tiền mua xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07, Anh L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Bị cáo cũng tự nguyện trả lại 30.000.000 đồng là tiền bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19N1-138.91 cho chị T. Chị T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo yêu cầu bị cáo L, bị cáo C phải bồi tH số tiền 48.000.000 đồng gồm 22.000.000 đồng tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19N1-138.91, 26.000.000 đồng tiền mua xe mô tô BKS 29V1- 731.80; không yêu cầu bị cáo L và bị cáo T phải bồi tH 10.000.000 đồng là tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07.

Bị hại:

Chị Phan Thu T vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Chị đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 19M1-183.07 cùng toàn bộ đồ vật, tài liệu bị trộm cắp, không có yêu cầu đề nghị bồi tH gì khác. Còn việc các bị cáo vi phạm pháp luật thì đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Thu H vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Chị đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 19N1-138.91 cùng giấy đăng ký xe, chị không có yêu cầu đề nghị

bồi th gì khác. Các bị cáo vi phạm pháp luật thì đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Quang T vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày: Anh đã nhận lại chiếc xe máy biển số: 29V1-731.80, anh không có yêu cầu đề nghị bồi th gì khác. Việc các bị cáo vi phạm pháp luật thì đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Chị là mẹ đẻ cháu Nguyễn San C. Khi cháu C phạm tội có lấy chiếc xe máy biển kiểm soát 19P1-298.70 làm phương tiện. Chị L không biết việc cháu C lấy chiếc xe này để phạm tội. Chiếc xe máy này thuộc quyền sử dụng của chị L mua lại của một người quen ở V, th ngày cháu C sử dụng để đi lại. Nay cho chị L được xin lại chiếc xe này.

Chị Hoàng Thị T vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Chị có cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền 10.000.000đồng để mua chiếc xe máy biển kiểm soát 19M1-183.01 và chị mua chiếc xe máy biển kiểm soát 19N1-138.91 của anh Nguyễn Văn H với giá là 30.000.000đồng. Số tiền vay anh H đã trả đủ cho chị. Đối với nguồn gốc chiếc xe máy biển kiểm soát 19N1-138.91 chị không biết là xe trộm cắp mà có chị. Quá trình điều tra chị đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan điều tra. Ngày 20/6/2022 anh H đã trả lại cho chị số tiền 30.000.000đồng bán xe cho chị. Nay chị đã nhận đủ tiền chị không có yêu cầu gì.

Anh Hà Mạnh L vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Ngày 13/5/2022 anh có mua chiếc xe máy biển kiểm soát 19M1-183.07 loại xe HONDA VISION, màu sơn xanh nâu đen của anh Nguyễn Văn H với giá là 15.000.000đồng. Đối với nguồn gốc chiếc xe máy này anh không biết là xe trộm cắp mà có. Đến ngày 20/5/2022 anh được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Thọ thông báo chiếc xe máy anh đang sử dụng liên quan đến việc trộm cắp tài sản ở thị xã Phú Thọ. Nên anh tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan điều tra. Ngày 16/6/2022 anh H đã trả lại cho anh số tiền 15.000.000đồng bán xe cho anh. Nay anh đã nhận đủ tiền anh không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS-TXPT ngày 07/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Hải L, Nguyễn San C về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Đào Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hải L, Nguyễn San C và Đào Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101, Điều 55, 56 BLHS xử phạt Nguyễn Hải L từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 18 ngày 26/5/2022 của TAND huyện Phù Ninh. Buộc L phải chấp hành hình phạt C của cả 02 bản án là từ 51 tháng đến 54 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giam từ 05/01/2022 đến ngày 04/3/2022 và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2022 đến ngày 08/7/2022. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Điều 55, 56 BLHS xử phạt Nguyễn San C từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 37 ngày 23/3/2022 của TAND thành phố V. Buộc C phải chấp hành hình phạt C của 02 bản án là từ 37 tháng đến 40 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS xử phạt Đào Quang T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày từ ngày 10/5/2022 đến ngày 19/5/2022 (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc T phải chấp hành từ 08 tháng 03 ngày đến 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho T nhưng phải thực hiện một số công việc lao động cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS xử phạt Nguyễn Văn H từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c, khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 4.500.000 đồng.

Truy thu của Nguyễn Hải L 5.500.000 đồng.

Trả cho bà Nguyễn Thị L chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19P1- 298.70 (xe không gắn biển).

Xác nhận: ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Phan Thu T: 01 xe mô tô BKS 19M1-183.07, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe đều mang tên Phan Thu Thủy; 01 máy bắt vít, 01 chiếc kim có tay cầm màu đỏ. Ngày 02/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị H chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 19N1-138.91 và 01 giấy đăng ký mang tên Trần Thị Thu H. Ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội đã trả lại cho anh Trần Quang T 01 chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 29V1-731.80, 01 chìa khóa từ và 01 đăng ký xe. Ngày 06/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, lắp sim số: 0392.036.888 và 0393.000.535.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 1 Điều 48 buộc Nguyễn Hải L và Nguyễn San C phải hoàn trả cho Nguyễn Văn H 48.000.000 đồng, trong đó, Nguyễn Hải L chịu trách nhiệm 31.000.000 đồng (bao gồm cả tiền 1.500.000 đồng L cho Trường), Nguyễn San C chịu trách nhiệm 17.000.000 đồng.

Về án phí: các bị cáo Nguyễn Hải L, Nguyễn San C, Đào Quang T và Nguyễn Văn H phải chịu án phí HSST, án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo L nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo L phạm tội là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất và có cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo*:

Trong thời gian từ ngày 21/6/2021 đến 07/5/2022, tại địa bàn huyện T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ và huyện B, thành phố Hà Nội, bị Cáo Nguyễn Hải L 03

lần cùng bị cáo Đào Quang T, bị cáo Nguyễn San C trộm cắp tài sản, rồi cả ba lần trộm cắp tài sản đều mang bán cho bị cáo Nguyễn Văn H lấy tiền chi tiêu cá nhân, trong đó lần đầu và lần thứ hai bị cáo H không biết là tài sản do trộm cắp mà có, chỉ đến lần thứ ba, bị cáo H mới biết tài sản là do trộm cắp mà có. Cụ thể: ngày 21/6/2021, tại xã Hương Nộn, huyện T, tỉnh Phú Thọ, bị cáo L cùng bị cáo Nguyễn San C trộm cắp tài sản của chị Trần Thị Thu H tổng giá trị là 44.300.000 đồng gồm: 01 chiếc xe HONDA SH, BKS: 19N1-138.91 giá trị 41.600.000 đồng, 01 chiếc ví giả da màu đỏ giá trị 100.000 và số tiền 1.700.000 đồng.; Ngày 01/7/2021, tại xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, bị cáo L và bị cáo Nguyễn San C tiếp tục trộm cắp tài sản của anh Trần Quang T 01 xe HONDA SH, BKS 29V1-731.80 giá trị 90.000.000 đồng. Sau đó, ngày 07/5/2022, bị cáo Nguyễn Hải L cùng bị cáo Đào Quang T trộm cắp tài sản của chị Phan Thu T 01 chiếc xe mô tô VISION, màu xanh, BKS 19M1-183.07, trị giá 17.900.000 đồng rồi mang bán cho bị cáo Nguyễn Văn H được 10.000.000 đồng. Khi mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07, bị cáo H biết rõ là tài sản do bị cáo L và bị cáo T phạm tội mà có; sau đó bị cáo H đã bán lại xe mô tô cho anh Hà Mạnh L được 15.000.000 đồng, hưởng tư lợi 5.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Hải L 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, với tổng số tiền chiếm đoạt 152.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn San C 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, với tổng số tiền chiếm đoạt 134.300.000 đồng và bị cáo Đào Quang T 01 lần thực hiện hành vi phạm tội, với số tiền chiếm đoạt 17.900.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các vật chứng đã thu giữ. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Nguyễn San C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đào Quang T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội danh cũng như điều khoản trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa phương gây tâm lý hoang mang cho người có tài sản nên cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, trước khi thực hiện hành vi phạm tội đều có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ; song, tính chất hành vi thể hiện giản đơn nên không xác định là tội phạm có tổ chức. Cả 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Hải L đều là người rủ rê, đề suất và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Nguyễn San C, bị cáo Đào Quang T là người cảnh giới và trực tiếp cùng bị cáo L đem bán tài sản trộm cắp, nên các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, đã mua lại tài sản biết rõ là do phạm tội mà có. Hành vi của bị cáo là độc lập trong cấu thành tội phạm, với vai trò là người thực hành.

Các bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện mà đi vào con đường trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài. Ngoài ra bị cáo H còn tiêu thụ tài sản biết rõ tài sản đó là do người khác phạm tội mà có. Do vậy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo thì cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Hải L trước lần phạm tội này có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù theo bản án HSST số 18 ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 37 ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V. Bị cáo phải chấp hành hình phạt C của cả 2 bản án là 21 tháng tù được trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/01/2022 đến ngày 04/3/2022 (01 tháng 29 ngày), bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 152.000.000đồng nên hành vi trộm cắp lần này đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tự thú lần trộm cắp tài sản tại huyện T cho Cơ quan điều

tra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn San C trước lần phạm tội này có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản theo Bản án HSST số 37 ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tại thời điểm bị kết án, bị cáo C là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng nên được coi là không có án tích tuy nhiên hành vi trộm cắp tài sản của C ngày 07/5/2022 là phạm tội trong thời gian thử thách án treo. Trong vụ án này bị cáo phạm tội 02 lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 134.300.000đồng nên hành vi trộm cắp lần này đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L, bị cáo C thì hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo rèn luyện, cải tạo được tội lỗi mà bị cáo đã phạm. Đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ đề nghị là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Đào Quang T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền có được do trộm cắp tài sản; tích cực tham gia ủng hộ vật tư y tế, khẩu trang nước khử khuẩn cho công tác phòng, chống dịch Covid, ngày 28/12/2021 bị cáo được UBND pH M tặng giấy khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ là phù hợp cần chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, tự nguyện bồi tH thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện đường lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ là phù hợp cần chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định “Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”. Song xét thấy các bị cáo Đào Quang T là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng các bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo C, bị cáo T nghề nghiệp lao động tự do, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo L phạm tội là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại khoản 5 điều 323 của Bộ luật hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu 1 phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy bị cáo H đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe đều mang tên Phan Thu Thủy; 01 máy bắt vít, 01 chiếc kim có tay cầm màu đỏ, ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả cho chị T là chủ sở hữu hợp pháp. Không yêu cầu bị cáo L, bị cáo T phải hoàn trả 02 gương chiếu H và chiếc chìa khóa từ bị hỏng là phù hợp cần xác nhận trong bản án.

Đối với chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 19N1-138.91 và 01 giấy đăng ký mang tên Trần Thị Thu H, ngày 02/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chị H là chủ sở hữu hợp pháp. Chị H không yêu cầu L, C phải hoàn trả chiếc thẻ căn cước, chiếc ví giả da màu đỏ và 1.700.000 đồng là phù hợp cần xác nhận trong bản án.

Đối với chiếc xe HONDA SH, màu đen, BKS 29V1-731.80, 01 chìa khóa từ và 01 đăng ký xe, ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, thành phố Hà Nội đã trả lại cho anh Trần Quang T là chủ sở hữu hợp pháp cần xác nhận trong bản án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5, lắp sim số: 0392.036.888 và 0393.000.535 là của chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết cho H mượn không liên quan đến hành vi phạm tội của H, ngày 06/8/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho chị Tuyết là phù hợp cần xác nhận trong bản án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 số IMEI 1 865545050388212; 865545050388204 lắp sim số: 0392.036.888 và 0393.000.535 điện thoại cũ đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết. Ngày 06/8/2022 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại chiếc cho chị Tuyết cần được xác nhận.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo Đào Quang T tự nguyện giao nộp là số tiền thu lợi do phạm tội mà có cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 5.000.000đ mà bị cáo H được hưởng lợi từ việc bán xe cho anh L bị cáo H đã bồi tH cho anh L vì vậy không truy thu số tiền này đối với bị cáo.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, không gắn biển số, số khung 3910KY007937; số máy JA39E0863957, không có gương chiếu H, không có giá đèo hàng phía trước, chắn bùn phía sau bị cắt bằng, không đóng khóa được cốp xe, xe đã qua sử dụng tạm giữ của Nguyễn San C. Chiếc xe này C mượn của bà Nguyễn Thị L, bà L không biết bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội cần được trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Phan Thị T, chị Trần Thị Thu Hương, anh Trần Quang T không yêu cầu các bị cáo phải bồi tH gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hải L và bị cáo Đào Quang T phải bồi tH 10.000.000 đồng là tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Nguyễn San C phải bồi tH cho bị cáo số tiền 48.000.000 đồng gồm 22.000.000 đồng tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19N1-138.91, 26.000.000 đồng tiền mua xe mô tô BKS 29V1- 731.80; bị cáo L và bị cáo C đều nhất trí vì vậy cần buộc các bị cáo phải bồi tH.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, kết quả điều tra xác định, 02 lần mua xe mô tô BKS 19N1-138.91 và 29V1-731.80 của bị cáo L, bị cáo H không biết xe do bị cáo L trộm cắp mà có, mục đích mua xe để sử dụng chứ không phải bán kiếm lời. Vì vậy, Cơ

quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không xem xét xử lý bị cáo H về 02 lần mua xe trộm cắp này là phù hợp.

Đối với anh Hà Mạnh L là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07 của bị cáo H nhưng không biết chiếc xe là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

Đối với chị Hoàng Thị T là người cho bị cáo H vay tiền để mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1-183.07 và cũng là người mua chiếc xe BKS 19N1-138.91 của bị cáo H; nhưng chị T không biết bị cáo H vay tiền để mua xe vi phạm và không biết chiếc xe BKS 19N1-138.91 là tài sản do trộm cắp nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Hải N cho bị cáo T mượn xe mô tô BKS 19B1-612.97 và bà Nguyễn Thị L cho bị cáo C mượn xe mô tô BKS 19P1- 298.70 để sử dụng nhưng không biết mục đích bị cáo T, bị cáo C mượn xe để đi trộm cắp tài sản và không được hưởng lợi từ việc cho mượn xe. Do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

Đối với Hoàng Văn Trường là người đi cùng với bị cáo L và bị cáo C bán tài sản trộm cắp, đồng thời được bị cáo L cho số tiền là 1.500.000 đồng nhưng Trường không biết tài sản bị cáo L mang bán là do trộm cắp mà có, do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hải L, Nguyễn San C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đào Quang T, Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101, Điều 55, 56 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Hải L.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hải L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo L 30 (Ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với Bản án HSST số 18 ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Hải L 21 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt C của cả 02 bản án là 51(Năm mươi một) tháng tù được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2022 đến ngày 04/3/2022 và từ ngày 10/5/2022 đến ngày 19/5/2022. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 9/7/2022.

- Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Điều 55, 56 BLHS đối với bị cáo Nguyễn San C.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn San C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo C 30 (Ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với 07 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 37 ngày 23/3/2022 Tòa án nhân dân thành phố V tỉnh Vĩnh Phúc về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C của hai bản án là 37(Ba mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS đối với bị cáo Đào Quang T.

Tuyên bố bị cáo Đào Quang T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Đào Quang T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 10/5/2022 đến ngày 19/5/2022 (quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo T phải chấp hành 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

Giao bị cáo Đào Quang T cho Ủy ban nhân dân pH M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người đó. Bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự và thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điểm b, s, i khoản 1 điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c, khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Xác nhận ngày 28/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 19M1-183.07; số máy: JF86E0106200; số khung: 5836JY502335 kèm chìa khóa xe, xe đã cũ, qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 131667938, 01 (một) căn cước công dân số 025187016843, 01 giấy phép lái xe số AA473624, 01 (một) đăng ký xe máy 008037 đều mang tên Phan Thu Thủy, 01 (một) máy bắt vít nhãn hiệu MKITA, 01 (một) chiếc kim có chuỗi màu đỏ cho chị Phan Thu Thủy.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/5/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Thọ).

Xác nhận ngày 02/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH, màu xanh đen, biển kiểm soát 19N1-138.91; số khung: RLHJF4216DY097146; số máy: JF42E0097401, xe hoạt động bình thường, không bị hư hỏng gì; và 01 (Một) đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Thu H, cho chị Trần Thị Thu H.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/7/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T).

Xác nhận ngày 11/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B thành phố Hà Nội đã trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, kiểu dáng SH150i, màu sơn đen, BKS 29V1-731.80, SM: KF01 42E1051058; SK: RLHKF4210MY003329 (xe đã qua sử dụng), cùng 01 chìa khóa xe (loại khóa từ) và 01 đăng ký xe cho anh Trần Quang T.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/7/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B thành phố Hà Nội).

Xác nhận ngày 06/8/2022 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 5 số IMEI 1 865545050388212; 865545050388204 lắp sim số: 0392.036.888 và 0393.000.535 điện thoại cũ đã qua sử dụng cho chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 06/8/2022 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Thọ).

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo Đào Quang T tự nguyện giao nộp.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Hải L 5.500.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu xanh đen, không gắn biển số, số khung 3910KY007937; số máy JA39E0863957, không có gương chiếu hậu, không có giá đèo hàng phía trước, chắn bùn phía sau bị cắt bằng, không đóng khóa được cốp xe, xe đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 09/9/2022)

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự

Chị Phan Thị T, chị Trần Thị Thu Hương, anh Trần Quang T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hải L và bị cáo Đào Quang T phải bồi tH số tiền 10.000.000 đồng là tiền mua chiếc xe mô tô BKS 19M1-183.07 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Nguyễn San C phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn H tổng số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) trong đó bị cáo L phải chịu trách nhiệm trả 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng) (bao gồm cả tiền 1.500.000 đồng L cho Trường); bị cáo C phải chịu trách nhiệm trả 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Về án phí: Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hải L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn San C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 850.000 (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng là 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Đào Quang T và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS
- Chi cục THADS thị xã Phú thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Trại giam Quyết Tiến, Cục C 10, Bộ công an;
- UBND pH T, pH M
hành phố V, tỉnh Phú Thọ;
- UBND pH H, TP T, tỉnh T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 29 tháng 11 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Ngọc L**

Ông **Nguyễn Anh Vũ**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Hùng** - sinh ngày 25/5/1981

Hộ khẩu tH trú và chỗ ở: Khu Hùng Thao, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Biểu quyết: 3/3

2. Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp.

Biểu quyết: 3/3

3. Hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Điều luật áp dụng, hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Hùng phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt: bị cáo Trần Văn Hùng 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Biểu quyết: 3/3

6. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Xác nhận ngày 29/9/2021 Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Lê Duy Hưng 01 máy xiết bu L; cho anh Trần Văn Quang 01 xe mô tô biển kiểm soát 29B1 - 264.33.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 29/9/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Thọ).

Trả lại cho bị cáo Hùng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám, số IMEI: 354383066078785 đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc sooc kẻ ô màu đỏ đen, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc áo phông cộc tay màu tím than, phần ngực áo bên trái có in logo hình vuông, màu đỏ bên trong có chữ "UNIQLO" màu trắng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hùng (đều đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 19/10/2021)

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn Hùng phải bồi tH cho anh Vũ Văn Thảo số tiền 1.095.000 đồng (trong đó thu giữ của bị cáo là 395.000đồng và anh Hùng tự nguyện giao nộp 700.000đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 19/10/2021).

Anh Nguyễn T Hùng không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền mà bị cáo đã vay nên không đặt ra giải quyết.

Biểu quyết: 3/3

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn Hùng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3

7. Kiến nghị phòng ngừa khắc phục tội phạm: Không.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NĐộc
Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thị xã Phú Thọ, ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Số: /2021/HSST- QĐTG

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Phạm Thị Ngọc L

2. Ông Nguyễn Anh Vũ

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Xét thấy: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Tạm giam bị cáo **Trần Văn Hùng** - Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1981;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Khu Hùng Thao, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Trần Văn Hùng** 13 (Mười ba) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04/8/2021
Về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.
Thời hạn tạm giam là **45 (Bốn mươi lăm)** ngày kể từ ngày tuyên án .

Điều 2 :

Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ ;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOA

Trần Thị Ngọc Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 60/2021/TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thị xã Phú Thọ, ngày 29 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Kính gửi: - UBND xã Hà Thạch , thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
Căn cứ vào Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2021/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ đã xét xử đối với bị cáo:

Trần Văn Hùng - sinh ngày 25/5/1981

Hộ khẩu tH trú và chỗ ở: Khu Hùng Thao, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Nay thông báo cho UBND xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Hùng phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt: bị cáo Trần Văn Hùng 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Xác nhận ngày 29/9/2021 Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Lê Duy Hưng 01 máy xiết bu L; cho anh Trần Văn Quang 01 xe mô tô biển kiểm soát 29B1 - 264.33.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 29/9/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Phú Thọ).

Trả lại cho bị cáo Hùng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám, số IMEI: 354383066078785 đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc sooc kê ô màu đỏ đen, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc áo phông cộc tay màu tím than, phần ngực áo bên trái có in logo hình vuông, màu đỏ bên trong có chữ "UNIQLO" màu trắng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hùng (đều đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 19/10/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn Hùng phải bồi tH cho anh Vũ Văn Thảo số tiền 1.095.000 đồng (trong đó thu giữ của bị cáo là 395.000 đồng và anh Hưng tự nguyện giao nộp 700.000 đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ ngày 19/10/2021).

Anh Nguyễn T Hưng không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền mà bị cáo đã vay nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn Hùng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngọc Hà